

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST
Ngày: 29-12-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K;

Trụ sở chính: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Ông Lâm Văn T (Theo giấy ủy quyền số 774/UQ-NHKL), chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch G (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961 (có mặt);

Anh Phạm Văn K, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1975; Bà Huỳnh Thị L – sinh năm 1975 (đều có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Nguyễn Ngọc V – sinh năm 1992; Chị Nguyễn Thị Thu A – sinh năm 2000 (đều có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Văn B – sinh năm 1969; Bà Đinh Thị Ph – sinh năm 1981 (đều có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Phạm Văn B – sinh năm 1993; Chị Nguyễn Hồng L1 – sinh năm 1988 (đều vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – Người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Văn T trình bày:

Vào ngày 11/12/2018, Ngân hàng TMCP K có cho bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K vay số tiền 720.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1905/17/HĐNT/1011-0861, ngày 29/9/2017; mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 11/12/2018; ngày đến hạn 11/12/2019; lãi suất trong hạn 11%/năm đối với các khế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký HĐTD này. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 3,7%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Tài sản bà P, anh K thế chấp cho Ngân hàng TMCP K để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 29/9/2017 gồm:

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 13.560m² (đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 9, thửa số 631, 656 và 1290, đất tọa lạc tại ấp 8 và 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673310 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 20.730m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 9, thửa số 671 và 679, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673311 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.930m² (đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm khác), tờ bản đồ số 9, thửa số 569, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673312 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 4.264,2m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 329-2016, thửa số 01, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC

410165 được UBND huyện G cấp ngày 12/9/2017 do anh Phạm Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.521,7m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 329-2016, thửa số 02, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 410166 được UBND huyện G cấp ngày 12/9/2017 do anh Phạm Văn K đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P, anh K không đóng lãi cũng như trả nợ gốc cho Ngân hàng đúng hạn. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho bà P, anh K thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà P và anh K vẫn không có thiện chí thanh toán nợ. Tính đến ngày 29/12/2020, bà P, anh K còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 936.921.361đ, trong đó: nợ gốc 720.000.000đ, lãi trong hạn 80.101.479đ, lãi quá hạn 128.392.767đ và tiền phạt chậm trả lãi là 8.427.115đ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về tiền phạt chậm trả lãi là 8.427.115đ; Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P, anh K phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/12/2020 là 928.494.247đ, trong đó: nợ gốc 720.000.000đ, lãi trong hạn 80.101.479đ, lãi quá hạn 128.392.767đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp, bà P, anh K không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2020, biên bản hòa giải ngày 06/10/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K trình bày:

Bà P, anh K thừa nhận vào ngày 29/9/2017 có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1905/17/HĐNT/1011-0861, ngày 29/9/2017. Đến ngày 11/12/2018, bà P, anh K tiếp tục ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018 để vay số tiền 720.000.000đ. Đồng thời, bà P, anh K có ký kết với ngân hàng TMCP K Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 29/9/2017 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, các tài sản thế chấp theo đơn khởi kiện của ngân hàng kê ra là đúng.

Bà P, anh K thừa nhận việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở nhu cầu vay vốn và đã được giải ngân đúng theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay bà P, anh K vẫn không trả được tiền gốc và khoản lãi nào cho phía Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng TMCP khởi kiện yêu cầu bà P, anh K phải trả số tiền vay gốc 720.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì bà P, anh K cũng đồng ý. Nhưng do làm ăn thất bại, bà P, anh K không có khả năng đủ một lần cho ngân hàng được nên xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, bà P, anh K còn trình bày, phần đất bà P, anh K thế chấp cho ngân hàng hiện nay đang cầm cố cho những người sau:

Vào ngày 26/10/2018 al, có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị L diện tích 09 công đất ruộng (tầm 3m) với giá 200.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm tờ cố đất giao cho vợ chồng ông T giữ. Đồng thời, bà P, anh K mượn lại làm hết 09 công nêu trên với giá 2.500.000đ/công/năm bằng 22.500.000đ/năm, nhưng trong tờ cố đất ghi nhầm là 25.000.000đ, bà P, anh K cũng trả tiền mượn đất cho vợ chồng ông T đầy đủ, đất bà P, anh K đang trực tiếp canh tác.

Vào ngày 06/3/2020 al, có cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thu A diện tích 07 công đất ruộng (tầm 3m) với giá 200.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm giấy cố đất ruộng giao cho vợ chồng anh V giữ, đất hiện nay vợ chồng anh V đang trực tiếp canh tác.

Vào ngày 26/3/2018 al, có cho vợ chồng ông Trương Văn B, bà Đinh Thị Ph diện tích 2,5 công đất ruộng (tầm 3m) với giá 25 chỉ vàng 24k loại 9999, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm tờ cố đất giao cho vợ chồng ông B giữ. Vào ngày 30/9/2018 al, bà P, anh K tiếp tục có cho vợ chồng ông B diện tích 06 công đất ruộng (tầm 3m) với giá 40 chỉ vàng 24k loại 9999, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm tờ cố đất ruộng giao cho vợ chồng ông B. Tất cả phần đất nêu trên thì vợ chồng ông B đang trực tiếp canh tác.

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 26/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị L khai: Vào ngày 26/10/2018 al, ông bà có nhận cố của bà Nguyễn Thị P diện tích 09 công đất ruộng (tầm 3m) tọa lạc tại ấp 9, xã V (giáp ranh với Huỳnh Văn Xăng, Nguyễn Thị Biển, Trần Văn Bông, Huỳnh Thị Sen, Huỳnh Văn Ngoan và Bùi Văn Hường) với giá 200.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm tờ cố đất giao cho ông bà giữ có chữ ký của bà P bên người cố đất. Đồng thời, ông bà cho bên bà P mượn lại làm hết 09 công nêu trên với giá 2.500.000đ/công/năm bằng 22.500.000đ/năm, nhưng trong tờ cố đất ghi nhầm là 25.000.000đ, bên bà P cũng trả tiền mượn đất cho ông bà đầy đủ, đất bà P đang trực tiếp canh tác.

Nay, ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K có liên quan đến phần đất ông bà nhận cố thì ông bà sẽ tự thỏa thuận với bà P, anh K nên ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ khởi kiện bà P, anh K bằng 01 vụ kiện dân sự khác.

Anh Nguyễn Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thu A khai: Vào ngày 06/3/2020 al, anh chị có nhận cố của anh Phạm Văn K diện tích 07 công đất ruộng (tầm 3m) tọa lạc tại ấp 9, xã V với giá 200.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên có làm giấy cố đất ruộng giao cho anh chị giữ có chữ ký của anh K bên người cố đất, có ông Ngô Văn S (tổ trưởng tổ tự quản) ký người xác nhận và anh Nguyễn Văn G ký tên người làm chứng. Phần đất anh chị nhận cố của anh K thì anh chị đang trực tiếp canh tác.

Nay, ngân hàng TMCP K khởi kiện bà P, anh K có liên quan đến phần đất anh chị nhận cổ thì anh chị sẽ tự thỏa thuận với bà P, anh K nên anh chị không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì anh chị sẽ khởi kiện bà P, anh K bằng 01 vụ kiện dân sự khác.

Ông Trương Văn B, bà Đinh Thị Ph khai: Vào ngày 26/3/2018 al, ông bà có nhận cổ của bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K diện tích 2,5 công đất ruộng (tầm 3m) tọa lạc tại ấp 9, xã V với giá 25 chỉ vàng 24k loại 9999, thời hạn cổ 03 năm, hai bên có làm tờ cổ đất giao cho ông bà giữ có chữ ký của bà P, anh K bên người cổ đất. Vào ngày 30/9/2018 al, ông bà tiếp tục nhận cổ của bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K diện tích 06 công đất ruộng (tầm 3m) tọa lạc tại ấp 9, xã V với giá 40 chỉ vàng 24k loại 9999, thời hạn cổ 03 năm, hai bên có làm tờ cổ đất ruộng giao cho ông bà giữ có chữ ký của bà P, anh K bên người cổ đất. Tất cả phần đất ông bà nhận cổ của bà P, anh K thì ông bà đang trực tiếp canh tác.

Nay, ngân hàng TMCP K khởi kiện bà P, anh K có liên quan đến phần đất ông bà nhận cổ thì ông bà sẽ tự thỏa thuận với bà P, anh K nên ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ khởi kiện bà P, anh K bằng 01 vụ kiện dân sự khác.

Đối với anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Hồng L1 đã được Tòa án thông báo về quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện nhưng anh Bồng, chị Loan không đến Tòa án cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình trong vụ kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các bên đương sự cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với anh Bồng và chị Loan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K phải trả cho Ngân hàng số tiền 928.494.247đ, trong đó: nợ gốc 720.000.000đ, lãi trong hạn 80.101.479đ, lãi quá hạn 128.392.767đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi trả hết nợ. Áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 8.427.115đ. Nếu bà P, anh K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thu A, ông Trương Văn B, bà Đinh Thị Ph đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Hồng L1 vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 11/12/2018, giữa Ngân hàng TMCP K với bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K có ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018, theo đó: Ngân hàng TMCP K cho bà P, anh Khuê vay số tiền 720.000.000đ; mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 11/12/2018; ngày đến hạn 11/12/2019; lãi suất trong hạn 11%/năm đối với các khế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký HĐTD này. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 3,7%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng. Xét, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, bà P, anh K không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng, do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 8.427.115đ. Việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc bà P, anh K phải trả số nợ tính đến ngày 29/12/2020 là 928.494.247đ, trong đó: nợ gốc 720.000.000đ, lãi trong hạn 80.101.479đ, lãi quá hạn 128.392.767đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở. Đồng thời, xét thấy cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K đúng với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân Tỏi cao nên chấp nhận.

[5] Đối với bị đơn: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2020, biên bản hòa giải ngày 06/10/2020 và tại phiên tòa bà P, anh K thừa nhận đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BĐS/1011-0861, ngày 29/9/2017 đã ký kết với ngân hàng TMCP K. Bà P, anh K đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vay gốc 720.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nhưng do làm ăn thất bại, không có khả năng đủ một lần cho ngân hàng được nên xin trả dần cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. HĐXX xét thấy, việc bà P, anh K không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc bà P, anh K có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP K là phù hợp.

[6] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BĐS/1011-0861, ngày 29/9/2017 giữa ngân hàng TMCP K với bà P, anh K được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Trung Kiên vào ngày 29/9/2017 theo số công chứng 1967, quyền số V TP/CC-SCC/HĐGD để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2561/18/HĐTD/1011-0861, ngày 11/12/2018 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án. Như vậy, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thu A, ông Trương Văn B, bà Đinh Thị Ph đã được Tòa án thông báo về quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện nhưng đều cho rằng sẽ tự thỏa thuận với bà P, anh K và không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này nên không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

Đối với anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Hồng L1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh chị không có mặt cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ để xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là: 39.854.827đ [36.000.000đ + (128.494.247đ x 3%)] do bà P, anh K có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc: Bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền **928.494.247đ** (*Chín trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc 720.000.000đ, lãi trong hạn 80.101.479đ và lãi quá hạn 128.392.767đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P, anh K chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ tính từ ngày 30/12/2020 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bà P, anh K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BĐS/1011-0861, ngày 29/9/2017 cho bà P, anh K.

Trong trường hợp bà P, anh K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1905/17/HĐTC-BĐS/1011-0861, ngày 29/9/2017 gồm có:

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 13.560m² (đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 9, 10, thửa số 631, 656 và 1290, đất tọa lạc tại ấp 8 và 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673310 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 20.730m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 9, thửa số 671 và 679, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673311 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.930m² (đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm khác), tờ bản đồ số 9, thửa số 569, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 673312 được UBND huyện G cấp ngày 24/7/2013 do bà Nguyễn Thị P đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 4.264,2m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 329-2016, thửa số 01, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 410165 được UBND huyện G cấp ngày 12/9/2017 do anh Phạm Văn K đứng tên.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.521,7m² (đất trồng lúa), tờ bản đồ số 329-2016, thửa số 02, đất tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 410166 được UBND huyện G cấp ngày 12/9/2017 do anh Phạm Văn K đứng tên.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 8.427.115đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 39.854.827đ (*ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng*).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền 21.392.000đ (*hai mươi một triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005061, ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2020).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Kim Nhập

